

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 623/BC-SKHĐT
ngày 03 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. UBND huyện Cẩm Mỹ chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng Trạm cấp nước và cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm cấp nước áp 3 và áp 4 xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ; nội dung công việc theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục 02 đính kèm.	12.214.510.000 (Mười hai tỷ, hai trăm mười bốn triệu, năm trăm mười nghìn đồng chẵn). Trong đó: chi phí xây dựng: 9.491.570.000 đồng, chi phí thiết bị: 2.722.940.000 đồng.	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 02 (xây dựng và thiết bị): xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Đường dây và TBA; nội dung công việc theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục 02 đính kèm.	767.869.000 (Bảy trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn). Trong đó: chi phí xây dựng: 465.430.975 đồng; chi phí thiết bị: 302.438.642 đồng.	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 kể từ ngày ký hợp đồng

PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Ký hiệu	
Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng Trạm cấp nước và cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm cấp nước áp 3 và áp 4 xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ				
A	Chi phí xây dựng			9.491.570.000
B	Chi phí thiết bị			2.722.940.000
I	THIẾT BỊ ÁP 3			1.361.470.000
1.	Bơm cấp I: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m ³ /h, H=60m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	
2.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m ³ /h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	
3.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=16m ³ /h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	2	
4.	Bơm nước thải: Bơm chìm loại nước thải Q=10m ³ /h, H=10m, 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	
5.	Bơm định lượng hoá chất: Q=0-100l/h; H=20m; 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	
6.	Máy khuấy hoá chất: Công suất N=0.25kw, 1phase/220v/50Hz, cánh khuấy Inox 316 D.300 (Xuất xứ EU)	Cái	3	
7.	Tủ điện bơm cấp I (TĐ1):	Tủ	1	
8.	Tủ điện bơm cấp II (TĐ2):	Tủ	1	
9.	Tủ điện hệ thống hóa chất (TĐ3):	Tủ	1	
10.	Bồn lắng Lamen: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4800 - Tấm lắng Lamen LVA-PVC 30x1000x60°	Bồn	1	
11.	Bồn lọc cát tự rửa: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4000 - Cát lọc Dmin = 0.5mm, Dmax = 1.2mm, Dtb = 0,6-0,65mm - Chụp lọc chuỗi ngắn ABS D.20, tiêu chuẩn 50 cái/m ² .	Bồn	1	
12.	Tủ đứng đựng hồ sơ	Cái	1	
13.	Bộ bàn ghế salon	Bộ	1	
14.	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1	
15.	Máy vi tính văn phòng + máy in	Bộ	1	
16.	Thiết bị PCCC gồm (02 bình PCCC, 01	Bộ	1	

	bảng tiêu lệnh PCCC , 01 tủ PCCC)			
17.	Bếp ga loại 02 bếp	Cái	1	
II	THIẾT BỊ ÁP 4			1.361.470.000
1.	Bơm cấp I: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m3/h, H=60m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	
2.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m3/h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	
3.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=16m3/h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	2	
4.	Bơm nước thải: Bơm chìm loại nước thải Q=10m3/h, H=10m, 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	
5.	Bơm định lượng hoá chất: Q=0-100l/h; H=20m; 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	
6.	Máy khuấy hoá chất: Công suất N=0.25kw, 1phase/220v/50Hz, cánh khuấy Inox 316 D.300 (Xuất xứ EU)	Cái	3	
7.	Tủ điện bơm cấp I (TĐ1):	Tủ	1	
8.	Tủ điện bơm cấp II (TĐ2):	Tủ	1	
9.	Tủ điện hệ thống hóa chất (TĐ3):	Tủ	1	
10.	Bồn lắng Lamen: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4800 - Tấm lắng Lamen LVA-PVC 30x1000x60°.	Bồn	1	
11.	Bồn lọc cát tự rửa: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4000 - Cát lọc Dmin = 0.5mm, Dmax = 1.2mm, Dtb = 0,6- 0,65mm - Chụp lọc chuỗi ngăn ABS D.20, tiêu chuẩn 50 cái/m2.	Bồn	1	
12.	Tủ đứng đựng hồ sơ	Tủ	1	
13.	Bộ bàn ghế salon	Bộ	1	
14.	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1	
15.	Máy vi tính văn phòng + máy in	Bộ	1	
16.	Thiết bị PCCC gồm (02 bình PCCC, 01 bảng tiêu lệnh PCCC, 01 tủ PCCC)	Bộ	1	
17.	Bếp ga loại 02 bếp	Cái	1	
Gói thầu số 02 (xây dựng và thiết bị): xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Đường dây và TBA				
I	Chi phí xây dựng			465.430.975
II	Chi phí thiết bị			302.438.642
1	Chi phí thiết bị đường dây			
2	Thiết bị trạm biến áp			